

DANH SÁCH
Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Ngọc Réo
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND, ngày tháng năm 2025 của UBND xã Ngọc Réo)

TT Hộ	Họ và tên	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (Ghi theo thứ tự thôn)	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thoát nghèo (hộ không nghèo, cận nghèo)	Hộ thoát cận nghèo	Ghi chú
1	Y NGHẾ	Tơ đơ	1	1960	Đăk Têg			x		
2	A BRIA	Tơ đơ	3	1959	Đăk Têg		x			
3	Y LỒM	Tơ đơ	3	1945	Đăk Têg		x			
4	Y KLOI	Tơ đơ	1	1930	Đăk Têg		x			
5	Y NHIP	Tơ đơ	2	1979	Đăk Têg	x				
6	A DEP	Tơ đơ	3	1956	Đăk Têg		x			
7	A GLING	Tơ đơ	3	1952	Kon Sơ Tiu		x			
8	Y MỒ	Tơ đơ	4	1949	Kon Sơ Tiu		x			
9	Y KRUÊNG	Tơ đơ	2	1952	Kon Sơ Tiu	x				
10	Y NHUỜ (A SENG)	Tơ đơ	4	01-08-1948	Kon Sơ Tiu		x			
11	Y DON	Tơ đơ	2	1950	Kon Rôn		x			
12	Y KRÍA	Tơ đơ	2	1959	Kon Rôn		x			
13	Y DING	Tơ đơ	4	1975	Kon Rôn	x				
14	Y NGHẾ	Tơ Đơ	4	1990	Kon Rôn	x				
15	A CƯỜNG	Tơ đơ	4	1999	Kon Bơ Băn		x			
16	A NIÊM	Tơ đơ	2	16-09-1955	Kon Bơ Băn	x				
17	A THANH (A)	Tơ đơ	5	1966	Kon Bơ Băn	x				
18	A HIỂN	Tơ đơ	4	02-08-1991	Kon Bơ Băn	x				
19	A LEN	Tơ đơ	9	1985	Kon Bơ Băn	x				
20	Y MUR	Tơ đơ	1	1947	Kon Bơ Băn	x				
21	Y XUÔNG (Y LAN)	Tơ đơ	6	14/01/2000	Kon Bơ băn		x			
22	A KLÔNG	Tơ đơ	5	02-03-1986	Kon Jong		x			
23	Y NAIH	Tơ đơ	1	1957	Kon Jong			x		
24	Y HNON	Tơ đơ	2	1967	Kon Krok	x				
25	Y WENG	Tơ đơ	1	1958	Kon Krok	x				
26	A KHOAI	Tơ đơ	3	1998	Kon Hơ đrế		x			
27	A RÔN	Tơ đơ	3	2000	Kon Hơ đrế		x			
28	Y PEN	Tơ đơ	3	1984	Kon Hơ đrế	x				
29	Y YIP	Tơ đơ	4	1976	Kon Hơ đrế		x			
30	A Ui	Tơ- Đơ	1	15-07-1983	Thôn Đăk Duông	x				
31	Y Druì	Tơ- Đơ	2	01-01-1951	Thôn Đăk Duông		x			
32	A Nay	Tơ- Đơ	4	01-01-1948	Thôn Đăk Duông		x			
33	Y Hóa	Tơ- Đơ	2	01-01-1962	Thôn Đăk Duông		x			
34	Y Xuân	Tơ- Đơ	2	01-01-1964	Thôn Đăk Duông		x			
35	A Son	Tơ- Đơ	1	01-01-1977	Thôn Đăk Duông		x			
36	Y Trĩ	Tơ- Đơ	1	01-01-1920	Thôn Kon Jri		x			
37	Y Xăng	Tơ- Đơ	1	01-01-1950	Thôn Kon Jri		x			
38	Y HNgrế	Tơ- Đơ	1	01-01-1937	Thôn Kon Jri		x			
39	A Nhìr	Tơ- Đơ	2	01-01-1930	Thôn Kon Jri		x			
40	A Vốc	Tơ- Đơ	5	01-01-1984	Thôn Kon Jri		x			
41	Y Báo	Tơ- Đơ	6	03-09-1983	Thôn Kon Stiu II		x			
42	Y Hnen	Tơ- Đơ	2	01-01-1964	Thôn Kon Stiu II		x			
43	Y Miuh (Hmìu)	Tơ- Đơ	2	01-01-1961	Thôn Kon Stiu II	x				
44	Y Nhar	Tơ- Đơ	9	01-01-1960	Thôn Kon Stiu II		x			
45	Y Them	Tơ- Đơ	1	01-01-1942	Thôn Kon Gu I		x			
46	Y Hít	Tơ- Đơ	1	01-01-1946	Thôn Kon Gu I		x			
47	A Jơ Sêp	Tơ- Đơ	8	01-01-1980	Thôn Kon Gu I		x			
48	Y Hiu	Tơ- Đơ	5	01-01-1937	Thôn Kon Gu I		x			
49	Y Then	Tơ- Đơ	1	01-01-1950	Thôn Kon Gu I		x			
50	A Chín	Tơ- Đơ	4	01-01-1943	Thôn Kon Gu I	x				
51	A Hêu	Tơ- Đơ	1	01-01-1914	Thôn Kon Gu I	x				
52	Y Khil	Tơ- Đơ	6	01-01-1979	Thôn Kon Gu II		x			
53	Y Nang	Tơ- Đơ	4	05-08-1988	Thôn Kon Gu II		x			
54	Y Đô	Tơ- Đơ	1	01-04-1956	Thôn Kon Gu II	x				
55	Bùi Thị Có	Kinh	1	20-02-1944	Thôn 7	x				
56	Nguyễn Thị Lan	Kinh	1	01-01-1949	Thôn 7	x				
57	Cao Thị Nhật	Kinh	1	10-09-1947	Thôn 7	x				

TT Hộ	Họ và tên	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (Ghi theo thứ tự thôn)	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thoát nghèo (hộ không nghèo, cận nghèo)	Hộ thoát cận nghèo	Ghi chú
58	A Vê	Tơ- Đra	2	01-01-1958	Thôn Kon Brông		x			
59	A Hmôi	Tơ- Đra	2	01-01-1947	Thôn Kon Brông		x			
60	Y Da	Tơ- Đra	3	01-01-1959	Thôn Kon Brông	x				
61	Y XUẮK	Tơ đra	2	1941	Đăk Têng				x	
62	Y LUYK	Tơ đra	1	1954	Đăk Têng				x	
63	Y HNAH	Tơ đra	5	1947	Đăk Têng				x	
64	A PLÔNG	Tơ đra	2	1955	Đăk Têng				x	
65	A SƠN	Tơ đra	6	16-08-1979	Kon Sơ Tiu				x	
66	Y BÔI (Y BÓI)	Tơ đra	1	1954	Kon Sơ Tiu				x	
67	A RÁP	Tơ đra	2	04-08-1952	Kon Sơ Tiu				x	
68	A BẮM	Tơ đra	3	1954	Kon Sơ Tiu				x	
69	Y WÂM	Tơ đra	4	1946 (1949)	Kon Sơ Tiu				x	
70	A NIAN	Tơ đra	4	1948	Kon Sơ Tiu		x			
71	A NỐK	Tơ đra	7	1960	Kon Sơ Tiu		x			
72	U NHOA	Tơ đra	1	1955	Kon Rôn				x	
73	Y NGRÍ	Tơ đra	3	1983	Kon Rôn		x			
74	Y XING	Tơ đra	3	1958	Kon Rôn		x			
75	Y LEH	Tơ đra	4	1956	Kon Rôn				x	
76	Y ĐỖ	Tơ đra	2	1960	Kon Rôn				x	
77	Y LIER	Tơ đra	3	05-12-1976	Kon Rôn		x			
78	A DUIH (1)	Tơ đra	5	1959	Kon Bơ Băn				x	
79	A ĐOAN	Tơ đra	9	1985	Kon Bơ Băn		x			
80	Y HIM	Tơ đra	2	1947	Kon Bơ Băn				x	
81	A NUP	Tơ đra	1	1977	Kon Bơ Băn		x			
82	Y ĐỀ	Xơ đăng	2	1955	Kon Bơ Băn		x			
83	A DUM	Tơ đra	9	1953	Kon Bơ Băn		x			
84	A OĂN	Tơ đra	12	1988	Kon Bơ Băn		x			
85	A LUYỄN	Tơ đra	4	1968	Kon Bơ băn				x	
86	A WĂN	Tơ đra	7	1971	Kon Bơ Băn		x			
87	A YUH	Tơ đra	7	1969	Kon Bơ Băn				x	
88	A DUAR	Tơ đra	5	1966	Kon Jong		x			
89	A TÀI	Tơ đra	4	01-06-1905	Kon Jong		x			
90	A HMIU	Tơ đra	6	1962	Kon Jong				x	
91	Y TUYẾT	Tơ đra	7	01-11-1968	Kon Jong				x	
92	A BÊ	Tơ đra	1	20/11/1998	Kon Krok		x			
93	Y SAP	Tơ đra	1	1957	Kon Krok		x			
94	A TAM	Tơ đra	2	1938	Kon Krok		x			
95	Y NGUỒ	Tơ đra	5	1945	Kon Krok		x			
96	A NGỒ	Tơ đra	3	1959	Kon Hơ đrê				x	
97	Y DRAN	Tơ đra	3	1962	Kon Hơ đrê				x	
98	Y DYRE	Tơ đra	1	01-01-1945	Kon Hơ đrê		x			
99	A BUT	Tơ đra	3	01/01/1960	Kon Hơ đrê		x			
100	A BÊN	Ba Na	4	10/01/1992	Kon Hơ đrê				x	
101	A THÂN	Tơ đra	5	23/9/1984	Kon Hơ đrê				x	
102	A Bậy	Tây	7	01-01-	Thôn Đăk Duông				x	
103	Y Krem	Tơ- Đra	7	01-11-	Thôn Đăk Duông				x	
104	A Diêu	Tơ- Đra	7	07-03-	Thôn Đăk Duông				x	
105	Y Jía	Tơ- Đra	4	01-01-	Thôn Đăk Duông				x	
106	Y Thanh	Tơ- Đra	4	10-04-	Thôn Đăk Duông		x			
107	Y Thok	Tơ- Đra	4	01-01-1980	Thôn Đăk Duông		x			
108	A Buôn	Tơ- Đra	5	12-04-1997	Thôn Đăk Duông				x	
109	A Xoi	Tơ- Đra	3	01-01-1962	Thôn Đăk Duông		x			
110	Lương Văn Tít	Thái	4	06-07-	Thôn Đăk Duông				x	
111	Y Xing	Tơ- Đra	2	01-01-1955	Thôn Đăk Duông		x			
112	Y Xan	Tơ- Đra	3	01-01-1944	Thôn Đăk Duông				x	
113	A Oan	Tơ- Đra	6	01-01-1975	Thôn Đăk Duông		x			
114	Y Đro	Tơ- Đra	5	01-01-	Thôn Kon Jri				x	
115	A Kha	Tơ- Đra	5	01-01-	Thôn Kon Jri				x	
116	Y Rí	Tơ- Đra	2	01-01-	Thôn Kon Jri				x	
117	A Sương	Tơ- Đra	6	24-06-1995	Thôn Kon Jri				x	
118	Y Luâr	Tơ- Đra	4	01-01-1946	Thôn Kon Jri				x	
119	Y Bun	Tơ- Đra	3	01-01-1962	Thôn Kon Jri				x	

TT Hộ	Họ và tên	Dân tộc	Tổng số khẩu	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (Ghi theo thứ tự thôn)	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thoát nghèo (hộ không nghèo, cận nghèo)	Hộ thoát cận nghèo	Ghi chú
120	Y Tăng	Tơ-Đra	5	01-01-	Thôn Kon Stiu II				x	
121	A Nội	Tơ-Đra	8	01-01-	Thôn Kon Stiu II				x	
122	Y Lý	Tơ-Đra	6	01-01-	Thôn Kon Stiu II		x			
123	Lương Văn Núi	Thái	4	26-07-	Thôn Kon Stiu II		x			
124	Y Un	Tơ-Đra	10	01-01-	Thôn Kon Stiu II				x	
125	A Piang	Tơ-Đra	11	01-01-	Thôn Kon Stiu II		x			
126	Y Muìh	Tơ-Đra	11	01-01-1975	Thôn Kon Stiu II				x	
127	A Ngòi	Tơ-Đra	9	17-01-	Thôn Kon Stiu II				x	
128	Phạm Văn Bách	Mường	4	26-08-1973	Thôn Kon Stiu II				x	
129	Y Nhuh	Tơ-Đra	1	01-01-1945	Thôn Kon Stiu II		x			
130	Y Tháp	Tơ-Đra	3	01-01-1958	Thôn Kon Stiu II				x	
131	A Hriu	Tơ-Đra	2	01-01-1957	Thôn Kon Stiu II		x			
132	A Reh	Tơ-Đra	7	01-01-	Thôn Kon Gu I				x	
133	A Yin	Tơ-Đra	13	01-01-	Thôn Kon Gu I				x	
134	A Hoàng Bìu	Tơ-Đra	4	07-09-	Thôn Kon Gu I				x	
135	A Thìn	Tơ-Đra	4	17-04-	Thôn Kon Gu I				x	
136	A Hyiu	Tơ-Đra	12	01-01-	Thôn Kon Gu I				x	
137	A Đông	Tơ-Đra	9	01-01-	Thôn Kon Gu I				x	
138	Y Nhíp	Tơ-Đra	1	01-01-1946	Thôn Kon Gu I		x			
139	A Bũì	Tơ-Đra	9	19-07-1980	Thôn Kon Gu I				x	
140	Y Bar	Tơ-Đra	1	01-01-1943	Thôn Kon Gu I		x			
141	Y Nhiuh	Tơ-Đra	1	01-01-1938	Thôn Kon Gu I		x			
142	Y Thân	Tơ-Đra	1	01-01-1945	Thôn Kon Gu I		x			
143	A Khương	Tơ-Đra	12	01-01-	Thôn Kon Gu II		x			
144	A Phan	Tơ-Đra	7	12-12-	Thôn Kon Gu II				x	
145	Y Thek	Tơ-Đra	7	01-01-1964	Thôn Kon Gu II		x			
146	Y Kue	Tơ-Đra	4	01-01-1954	Thôn Kon Gu II				x	
147	Y Hsu Ka	Tơ-Đra	8	27-06-1996	Thôn Kon Gu II				x	
148	Y Heoh	Tơ-Đra	3	10-11-1954	Thôn Kon Gu II				x	
149	A Hyiũ	Tơ-Đra	6	01-01-1959	Thôn Kon Gu II		x			
150	Y Bìai	Tơ-Đra	1	01-01-	Thôn Kon Brông		x			
151	Y Lai	Tơ-Đra	6	22-10-	Thôn Kon Brông				x	
152	Y Jìeo	Tơ-Đra	5	01-01-	Thôn Kon Brông		x			
153	Y Tuyết	Tơ-Đra	4	11-09-	Thôn Kon Brông				x	
154	A Láp	Tơ-Đra	10	01-01-1939	Thôn Kon Brông				x	
155	A Plen	Tơ-Đra	5	01-01-1970	Thôn Kon Brông				x	
156	Y Hlìm	Tơ-Đra	2	01-01-1973	Thôn Kon Brông				x	
157	Y Bắng	Tơ-Đra	1	01-01-1948	Thôn Kon Brông				x	
158	A Mùng	Tơ-Đra	4	28-10-2006	Thôn Kon Brông		x			
Tổng cộng			637			21	76	2	59	